

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 3 - 2021

Về việc Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu H

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Tất Thê
Bà Phan Thị Minh Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Minh H – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:***
Bà Dương Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ-ST ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Xuân Phú, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1991.

HKTT cuối cùng trước khi xuất cảnh: Xóm Xuân Phú, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và bản tự khai quá trình giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Đức T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại UBND xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến thời điểm chồng đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chị đã tha thứ cho chồng và cuộc sống cũng hòa thuận. Kể từ năm 2018 khi anh T đi lao động tại Hàn Quốc, thì mâu thuẫn vợ chồng lại phát sinh, nguyên nhân do

vợ chồng do vợ chồng sống xa nhau nên không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến tình cảm không còn như trước nữa. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hàn Quốc mà chỉ biết anh vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ anh ở nhà. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung là Lê Hà V, sinh ngày 22/01/2014. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con vẫn đề cấp dưỡng không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức T hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, quá trình giải quyết vụ án không thể về Việt Nam do công việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương anh T cư trú trước khi xuất cảnh; làm việc với mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Kim Anh, sinh năm 1962; Trú tại: Xóm Xuân Phú, xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh T do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung thể hiện: Hiện anh Lê Đức T đang làm việc tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, việc chị D xin ly hôn anh đã biết. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, có xảy ra một số việc hiểu nhầm không thể giải quyết được nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nay chị D muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Vì lý do công việc anh không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Về con chung: Vợ chồng có con chung là Lê Hà V, sinh ngày 22/01/2014. Nếu vợ muốn nuôi con thì anh đồng ý, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh nhận.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; xử:

Cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Lê Đức T. Về con chung: Giao con chung là Lê Hà V, sinh ngày 22/01/2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Lê Đức T đang làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 780/QLXNC- P5 ngày 07/01/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì anh Lê Đức T đã xuất cảnh bằng hộ chiếu số C5774232 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ của anh tại Hàn Quốc nhưng gia đình không cung cấp được. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do điều kiện công việc nên anh T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Kim Anh nhận. Bà Anh đồng ý nhận các tài liệu và cam đoan thông báo cho anh T biết việc Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị D. Phiên tòa mở lần thứ hai nhưng anh T tiếp tục vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Lê Đức T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị D được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 18/01/2013 tại UBND xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra bất đồng quan điểm nhưng vợ chồng đã giải quyết được cho đến khi anh T đi lao động tại Hàn Quốc thì mâu thuẫn lại phát sinh và trở nên sâu sắc từ đó vợ chồng cắt đứt liên lạc. Hai vợ chồng phải sống xa nhau nên khi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị D và anh T không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Lê Hà V, sinh ngày 22/01/2014, chị D có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị D là chính đáng, con từ nhỏ đến nay ở với mẹ hơn nửa anh T hiện không ở Việt Nam nên cần giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Quá trình làm việc anh T cũng đồng ý với nguyện vọng này của chị D. Xét thấy sự thỏa thuận này của chị

D và anh T là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hiện tại chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Lê Hà V, sinh ngày 22/01/2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Anh Lê Đức T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000102 ngày 24/12/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu H